

Số: 4700194

**THACO CRUIZER 95S - 34 GHẾ**

**THACO MOBIHOME 120 - 34 GIƯỜNG + WC**

**Giá niêm yết:**

**2.367.000.000đ**

**3.389.000.000đ**

**KÍCH THƯỚC:**

Kích thước tổng thể(DxRxC)

9.500 x 2.500 x 3.470 mm

12.180 x 2.500 x 3.600 mm

Chiều dài cơ sở

4.600 mm

6.000 mm

Vết bánh xe trước/sau

2.055 / 1.876 mm

2.096/ 1.876 mm

**KHỐI LƯỢNG:**

Khối lượng bản thân

8.775 kg

12.760 - 13.390 kg

Khối lượng toàn bộ

10.915 kg

15.650 - 16.000 kg

Số chỗ ngồi

29 & 34 | 24 chỗ

32/34/36 giường

**ĐỘNG CƠ:**

Tên động cơ

WP7H270E50

WP12H400E50

Loại động cơ

Động cơ diesel, 6 xylanh thẳng hàng, tăng áp

Động cơ diesel, 6 xy lanh thẳng hàng, tăng áp

Dung tích xi lanh

6.800 cc

11.500 cc

Công suất cực đại/ tốc độ quay

270/ 2.100 Ps/(vòng/phút)

400/1.800 Ps/(vòng/phút)

Mô men xoắn/ tốc độ quay

1.000/ 1.100 - 1.700 N.m/(vòng/phút)

2.000/900 - 1.300 N.m/(vòng/phút)

**TRUYỀN ĐỘNG:**

Hộp số

6DSX110T

MT: FAST 6DSX200T (06 số tiến, 01 số lùi) | AT: ZF 6AP2020C

Tỷ số truyền

3.89

**HỆ THỐNG PHANH:**

Hệ thống phanh

Tang trống/ tang trống. Phanh điện từ. Có ABS/ASR

Tang trống/ tang trống. Có ABS/ASR (MT tích hợp phanh điện từ; AT tích hợp phanh thủy lực)

**HỆ THỐNG TREO:**

Trước

Phụ thuộc, 02 bầu hơi, 02 giảm chấn, thanh cân bằng

Phụ thuộc, 02 bầu hơi, 02 giảm chấn, thanh cân bằng

Sau

Phụ thuộc 04 bầu hơi, 04 giảm chấn, thanh cân bằng

Phụ thuộc 04 bầu hơi, 04 giảm chấn, thanh cân bằng

**LỐP XE:**

Trước/Sau

245/70R19.5

Michelin/ 12R22.5

**ĐẶC TÍNH:**

Khả năng leo dốc

43.6 %

48 %

Tốc độ tối đa

104 km/h

120 km/h

Dung tích thùng nhiên liệu

200 lít

400 lít

**HỆ THỐNG LÁI:**

Hệ thống lái

Trục vít ê cu bi, trợ lực thủy lực

Trục vít ê cu bi, trợ lực thủy lực